

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

| 1. Giải pháp kỹ thuật | | |
|--|---|------------------|
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| 1.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | Có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | Đạt |
| | Không có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không có thuyết minh sơ đồ, không ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên. | Không đạt |
| 2. Biện pháp tổ chức thi công: | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| 2.1. Biện pháp thi công tháo dỡ | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.2 Biện pháp thi xây tô | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.3 Biện pháp thi công ốp, lát gạch. | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.4 Biện pháp thi công sơn | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.5 Biện pháp thi công chống thấm | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.6 Biện pháp thi công trần thạch cao | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| | | |
|---|--|------------------|
| 2.7 Biện pháp thi công hệ thống nước | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 2.8 Biện pháp thi công hệ thống điện | Có thuyết minh. | Đạt |
| | Không có thuyết minh. | Không đạt |
| 3. Tiến độ thi công: | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 30 ngày. | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 30 ngày. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 30 ngày. | Không đạt |
| 3.2. Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu | Có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu. | Đạt |
| | Không có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu. | Không đạt |
| 4. Biện pháp bảo đảm chất lượng: | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| 4.1 Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng | - Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. | Đạt |
| | - Không có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Không có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. | Không đạt |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công. | Có nêu đầy đủ. | Đạt |
| | Không nêu hoặc thiếu ≥ 1 biện pháp. | Không đạt |
| 4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có nêu biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Đạt |
| | Không nêu biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Không đạt |
| 4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị khi mưa bão | Có nêu biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị khi mưa bão. | Đạt |
| | Không nêu biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị khi mưa bão. | Không đạt |

| | | |
|--|--|------------------|
| 4.5. Biện pháp khắc phục hư hỏng | Có nêu biện pháp khắc phục hư hỏng. | Đạt |
| | Không nêu biện pháp khắc phục hư hỏng. | Không đạt |
| 5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường: | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| 5.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động | Có biện pháp an toàn lao động. | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động. | Không đạt |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy. | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo vệ môi trường. | Có biện pháp bảo vệ môi trường. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo vệ môi trường. | Không đạt |
| 6. Bảo hành của nhà thầu | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |
| 7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. (Nhà thầu phải kèm theo file scan các tài liệu sau: Nhà thầu lập bản cam kết và phải nộp cùng với E-HSDT, trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận. Trường hợp liên danh từng thành viên trong liên | Nhà thầu có bản scan cam kết từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 trở lại đây không thuộc các trường hợp sau: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng: Bị trễ tiến độ do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên; b) Chất lượng công trình, hàng hóa: Không đảm bảo do lỗi nhà thầu gây ra từ 02 hợp đồng trở lên; “Vi phạm hợp đồng, bị Chủ đầu tư phạt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên” hoặc “Vi phạm hợp đồng bị Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu từ 02 hợp đồng trở lên”. | Đạt |
| | Nhà thầu không có bản scan cam kết hoặc | Không đạt |

| | | |
|--|---|-------------------------|
| <p>danh phải lập bản cam kết.</p> <p>Lưu ý: Trường hợp nhà thầu không đính kèm cam kết thì bên mời thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 3 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> | <p>có bản cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu nêu trên.</p> | |
| <p>8. Các yếu tố cần thiết khác</p> | | |
| <p>Nội dung yêu cầu</p> | <p>Mức độ đáp ứng</p> | |
| <p>8.1. Bảng kê vật tư cho công trình được quy định tại mục 3, chương V – Yêu cầu về xây lắp.</p> | <p>Có bảng kê vật tư cho công trình có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đầy đủ theo danh mục; vật tư được liệt kê yêu cầu phù hợp.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có hoặc có nhưng không phù hợp.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>8.2. Đối với các vật tư, vật liệu:</p> <p>(1) Xi măng các loại.</p> <p>(3) Gạch các loại.</p> <p>(4) Cát các loại.</p> <p>(5) Thép các loại.</p> <p>(6) Sơn các loại.</p> <p>(7) Thiết bị vệ sinh.</p> <p>(8) Thiết bị điện.</p> | <p>Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cung cấp đầy đủ các loại vật liệu. Lưu ý: Trường hợp nhà thầu không đính kèm hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp các loại vật liệu thì bên mời thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 3 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có ≥ 1 loại vật tư, vật liệu không có hợp đồng nguyên tắc sau khi bên mời thầu làm rõ E-HSDT.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>Kết luận</p> | <p>Có tất cả nội dung yêu cầu được đánh giá là “Đạt”.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Có ≥ 01 nội dung yêu cầu được đánh giá là “Không đạt”</p> | <p>Không đạt</p> |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.